TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Đỗ Viết L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Viết L tổ chức cưới năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà N và ông L chung sống với nhau đến tháng 02/2018 thì phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Nay xét thấy vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà N và ông L có 01 người con chung là Đỗ Khánh A, sinh ngày 01/01/1998 đã trưởng thành, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ Viết L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị N tổ chức cưới năm 1997 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Ông và bà N chung sống với nhau đến tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Nay xét thấy vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà N có 01 người con chung là Đỗ Khánh A, sinh ngày 01/01/1998 đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Viết L là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bà N và ông L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, đến nay không đăng ký kết hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Viết L là vi phạm về đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông L.

[2] Về con chung: Bà N và ông L 01 người con chung là Đỗ Khánh A, sinh ngày 01/01/1998 đã trên 18 tuổi, bà N và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Viết L.

2. Về con chung: Con chung là Đỗ Khánh A, sinh ngày 01/01/1998 đã trên 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Viết L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009420 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, bà Nguyễn Thị N đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Mến